

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÁI BÈ  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 27/5/2021  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Lê Quế Thanh.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Tám;

Ông Trần Trung Nhân.

*- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.*

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 135/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc H, sinh năm: 1991; (có đơn xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 109A/7 ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh V.

*- Bị đơn: Anh Lê Thành P, sinh năm: 1988; (vắng mặt)*

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện C, tỉnh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Ngọc H trình bày:

Chị và anh Lê Thành P chung sống vợ chồng với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 23/7/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Chị và anh P đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay,

không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 09/8/2011 và Lê Thành Ph, sinh ngày 22/7/2012, hiện các con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, chị không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lê Thành P dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Thành P dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh P.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn và nuôi con với anh P nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn anh P có nơi cư trú tại huyện Cái Bè nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị H và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh V cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84 ngày 23/7/2011 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị H cho rằng chị và anh P chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị và anh P đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cương quyết xin ly hôn, còn anh P thì không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cũng không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn với anh. Từ đó cho thấy anh P đã không yêu thương, quan tâm và không có ý định hàn gắn tình cảm cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 09/8/2011 và Lê Thành Ph, sinh ngày 22/7/2012. Khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sau khi ly thân chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu P và cháu Ph

khỏe mạnh và ổn định cho đến nay. Đồng thời, cháu P và cháu Ph cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên việc giao con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, anh P không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Ngọc H.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Ngọc H được ly hôn với anh Lê Thành P.

Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Thành P, sinh ngày 09/8/2011 và Lê Thành Ph, sinh ngày 22/7/2012 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Thành P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị Trần Ngọc H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004900 ngày 18/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Vậy chị H đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Ngọc H và anh Lê Thành P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Ngô Lê Quế Thanh**